

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục 28 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 110/TTr-STP ngày 27 tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 28 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp theo Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định số 3948/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K11, KSTT<sup>(Q)</sup>.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC 28 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ (02 TTHC)**

| STT                                                                                                              | Tên TTHC                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
|                                                                                                                  | Mã số TTHC                                                        |                                                                                                                       |                                                                                                                  |                                   |                       |                                                                                                                                                     |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                |
| Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |                                                                   |                                                                                                                       |                                                                                                                  |                                   |                       |                                                                                                                                                     |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                |
| 1                                                                                                                | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch.<br><br>2.002516.000.00.00.H08 | 03 ngày làm việc.<br>Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | - Trung Tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn).<br>- Bộ phận Một cửa cấp huyện. | x                                 | Toàn trình            | - Lệ phí: 8.000 đồng /Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT- | Cơ quan công an, các cơ quan khác có liên quan |

| STT | Tên TTHC                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                         | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                   |                                                                                                    |                                                                                  |                                   |                       |                                                                                                              |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |
|     |                                                              |                                                                                                    |                                                                                  |                                   |                       | người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ)                         | tò khai;<br>- Căn cứ pháp lý.                                                              | BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |                 |
| 2   | Cấp bản sao Trích lục hộ tịch.<br><br>2.000635.000.00.00.H08 | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả | - Trung Tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn). | x                                 | Toàn trình            | - Phí: 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;                                                                                                                              | -               |

| STT                       | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                    | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                 | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                  | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|---------------------------|------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                           | Mã số TTHC |                                        |                                                                                                                   |                                   |                       |                                                                                                       |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|                           |            | kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Một cửa cấp huyện.</li> <li>- Bộ phận Một cửa cấp xã.</li> </ul> |                                   |                       | công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ) | hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |
| <b>Tổng cộng: 02 TTHC</b> |            |                                        |                                                                                                                   |                                   |                       |                                                                                                       |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (14 TTHC)

| STT                                                                                                              | Tên TTHC                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                           | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                           | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TTHC liên thông |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                                  | Mã số TTHC                                                                    |                                                                                                                                               |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
| Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |                                                                               |                                                                                                                                               |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
| 1                                                                                                                | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.<br><br>2.000528.000.00.00.H08 | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo | Bộ phận Một cửa cấp huyện                         | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | <ul style="list-style-type: none"><li>- Lệ phí: 50.000 đồng.</li><li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả)</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li><li>- Thành phần hồ sơ;</li><li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li><li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li><li>- Căn cứ pháp lý.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li><li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li><li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li><li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li><li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li><li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li><li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li><li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng</li></ul> | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                    | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                   | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                            | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                  |                     |                                                   |                                   |                                                                         |                                                                                                                                                 |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |
|     |                                                                             |                     |                                                   |                                   |                                                                         |                                                                                                                                                 |                                                                                                                | Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.                                          |                 |
| 2   | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.<br><br>2.000806.000.00.00.H08 | 15 ngày             | Bộ phận Một cửa cấp huyện                         | -                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực | - Lệ phí: 1.500.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được | - Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT- | -               |

| STT | Tên TTHC                                      | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                         | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                    |                      |                                                   |                                   |                       |                                                              |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|     |                                               |                      |                                                   |                                   | tuyến)                | thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) |                           | BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. |                 |
| 3   | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài. | Ngay trong ngày tiếp | Bộ phận Một cửa                                   | x                                 | Một phần              | - Lệ phí: 50.000 đồng                                        | - Bổ sung cách thức       | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | -               |



| STT | Tên TTHC               | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                 | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                            | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TTHC liên thông |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC             |                                                                                                                                                                                                       |                                                   |                                   |                                                                       |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |
|     | 1.001766.000.00.00.H08 | nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. | cấp huyện                                         |                                   | (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ;<br>- Thông tư số |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                              | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                         | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                            |                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|     |                                                                                       |                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                            | 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |
| 4   | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.<br><br>2.000779.000.00.00.H08 | 15 ngày             | Bộ phận Một cửa cấp huyện                         | -                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Lệ phí: 1.500.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | - Mức độ DVC trực tuyến;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; | UBND cấp xã     |

| STT | Tên TTHC                                                                    | Thời hạn giải quyết                                           | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                   | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                      | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                  |                                                               |                                                   |                                   |                                         |                                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |
|     |                                                                             |                                                               |                                                   |                                   |                                         |                                                                                                                                           |                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định.</li> </ul> |                 |
| 5   | Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài.<br><br>1.001669.000.00.00.H08 | 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm | Bộ phận Một cửa cấp huyện.                        | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Trả kết | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 70.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                   | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                            | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                  | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                    | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                             | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TTHC liên thông |
|-----|------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                |                                                   |                                   |                                        |                                                                                                                         |                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
|     |            | việc đổi với việc đăng ký giám hộ đương nhiên. |                                                   |                                   | quả trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul> | 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                             | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                              | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                           |                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |
|     |                                                                                      |                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                  | 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |
| 6   | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.<br><br>2.000756.000.00.00.H08 | 02 ngày làm việc    | Bộ phận Một cửa cấp huyện.                        | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 70.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày</li> </ul> | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                              | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                            | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                  |                                                                                                                         |                                                   |                                   |                                                                    |                                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |
|     |                                                                                                             |                                                                                                                         |                                                   |                                   |                                                                    |                                                                                                                                                 |                                                                                                        | 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. |                 |
| 7   | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.<br><br>2.000748.000.00.00.H08 | - Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết | Bộ phận Một cửa cấp huyện.                        | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả | - Lệ phí: 25.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của    | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                         | Nội dung sửa đổi, bổ sung                               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TTHC liên thông |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                   |                                   |                       |                                                              |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |
|     |            | <p>được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p> |                                                   |                                   | trực tuyến)           | thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | <p>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p> | <p>Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                        | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                              | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                                      |                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |
| 8   | <p>Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> <p>2.002189.000.00.00.H08</p> | 12 ngày             | Bộ phận Một cửa cấp huyện.                        | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 70.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Mức độ DVC trực tuyến;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của</li> </ul> | -               |



| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                           | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                                                |                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |
|     |                                                                                                                                                                           |                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                               | Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.                                                                                                                                                                                         |                 |
| 9   | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.<br><br>2.000554.000.00.00.H08 | 12 ngày             | Bộ phận Một cửa cấp huyện.                        | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Lệ phí: 70.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                      | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                                        |                                                                            |                                                   |                                   |                       |                                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|     |                                                                                                                                                                   |                                                                            |                                                   |                                   |                       | nhận kết quả)                                                                                                                             | pháp lý.                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |
| 10  | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không | Bộ phận Một cửa cấp huyện.                        | x                                 | Toàn trình            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 70.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                    | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                  | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TTHC liên thông |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                           |                                                                                                                                                        |                                                   |                                   |                       |                                                                                                                       |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                 |
|     | con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).<br><br>2.000547.000.00.00.H08 | giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. |                                                   |                                   |                       | mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                 | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                         | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TTHC liên thông                                                                                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                        |                                                                                                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                        |
|     |                                                                                   |                                                                                                     |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                        | 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                        |
| 11  | Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài.<br><br>2.000522.000.00.00.H08 | 05 ngày làm việc.<br>Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Bộ phận Một cửa cấp huyện                         | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Lệ phí: 50.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số | Ủy ban nhân dân cấp xã/Sở Tư pháp nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh đã đăng ký khai sinh trước đây; Cơ quan công |

| STT | Tên TTHC                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                           | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                      | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                          | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông                          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                           |                                                                               |                                                   |                                   |                                            |                                                                                               |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                          |
|     |                                                                                                                      |                                                                               |                                                   |                                   |                                            |                                                                                               |                                                                          | 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. | an có thẩm quyền.                        |
| 12  | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.<br><br>1.000893.000.00.00.H08 | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết | Bộ phận Một cửa cấp huyện                         | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán | - Lệ phí: 50.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số                                                                                                                                                                                                    | Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến               | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                        | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông                                                              |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                                     |                                                                                                             |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                              |
|     |            | không quá 25 ngày.  |                                                   |                                   | trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; | đăng ký khai sinh cư trú trước khi xuất cảnh; Cơ quan công an có thẩm quyền. |

| STT | Tên TTHC                                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                            | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông                                                  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                  |                                                                                       |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                  |
|     |                                                                             |                                                                                       |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                | - Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                  |
| 13  | Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài.<br>2.000513.000.00.00.H08 | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Bộ phận Một cửa cấp huyện                         | -                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Lệ phí: 1.500.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | - Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; | Ủy ban nhân dân cấp xã/Sở Tư pháp nơi đăng ký kết hôn trước đây. |

| STT | Tên TTHC                                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                           | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                  | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                        | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                  |                                                                                               |                                                   |                                   |                                                        |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |
|     |                                                                             |                                                                                               |                                                   |                                   |                                                        |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |
| 14  | Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài.<br>2.000497.000.00.00.H08 | 05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc. | Bộ phận Một cửa cấp huyện                         | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 50.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> </ul>                                                                                          | -               |



| STT                       | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến   | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                     | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TTHC liên thông |
|---------------------------|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                           | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                         |                                                                                          |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |
|                           |            |                     |                                                   |                                   | Trả kết quả trực tuyến) | khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |
| <b>Tổng cộng: 14 TTHC</b> |            |                     |                                                   |                                   |                         |                                                                                          |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (12 TTHC)

| STT                                                                                                              | Tên TTHC                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TTHC liên thông |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                                  | Mã số TTHC                                               |                                                                                                                                                  |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |
| Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |                                                          |                                                                                                                                                  |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |
| 1                                                                                                                | Thủ tục đăng ký khai sinh.<br><br>1.001193.000.00.00.H08 | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | <ul style="list-style-type: none"><li>- Lệ phí: 8.000 đồng.</li><li>- Miễn lệ phí với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả)</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li><li>- Thành phần hồ sơ;</li><li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li><li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li><li>- Căn cứ pháp lý.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li><li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li><li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li><li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li><li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li><li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li><li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li></ul> | -               |

| STT | Tên TTHC                                           | Thời hạn giải quyết                         | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-----|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                         |                                             |                                                   |                                   |                       |                      |                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|     |                                                    |                                             |                                                   |                                   |                       |                      |                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |
| 2   | Thủ tục đăng ký kết hôn.<br>1.000894.000.00.00.H08 | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | -                                 | Một phần (Nộp hồ sơ   | Miễn lệ phí          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                      | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TTHC liên thông |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                     |                                                   |                                   |                                                            |                      |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
|     |            | nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc |                                                   |                                   | trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) |                      | thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày |                 |

| STT | Tên TTHC                                                         | Thời hạn giải quyết                                                                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                  | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông |
|-----|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                       |                                                                                                    |                                                   |                                   |                                                        |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |
|     |                                                                  |                                                                                                    |                                                   |                                   |                                                        |                                                                                                                     |                                                                                  | 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. |                 |
| 3   | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.<br><br>1.001022.000.00.00.H08 | 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | -                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; | - Lệ phí: 15.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người | - Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;                                                                              | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến   | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                     | Nội dung sửa đổi, bổ sung     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TTHC liên thông |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                         |                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |
|     |            |                     |                                                   |                                   | Trả kết quả trực tuyến) | khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> </ul> |                 |

| STT | Tên TTHC                                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                   | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông |
|-----|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                         |                                                                                                                                                  |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |
|     |                                                    |                                                                                                                                                  |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul>                                                                                                                                                           |                 |
| 4   | Thủ tục đăng ký khai tử.<br>1.000656.000.00.00.H08 | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 5.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký khai tử đúng hạn; cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul> | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TTHC liên thông |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                                     |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |
|     |            |                     |                                                   |                                   |                       | sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | pháp lý.                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |



| STT | Tên TTHC                                           | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                   | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TTHC liên thông |
|-----|----------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                         |                     |                                                   |                                   |                                                         |                      |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |
| 5   | Thủ tục đăng ký giám hộ.<br>1.004837.000.00.00.H08 | 03 ngày làm việc    | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | Miễn lệ phí          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> </ul> | -               |

| STT | Tên TTHC                                                    | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                   | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                  |                     |                                                   |                                   |                                                         |                      |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
|     |                                                             |                     |                                                   |                                   |                                                         |                      |                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> </ul>     |                 |
| 6   | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ.<br>1.004845.000.00.00.H08 | 02 ngày làm việc    | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | Miễn lệ phí          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày</li> </ul> | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TTHC liên thông |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
|     |            |                     |                                                   |                                   |                       |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul> | 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                  | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                         | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TTHC liên thông |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                            |                                                                                                                                                                                                                              |                                                   |                                   |                                                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
|     |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                              |                                                   |                                   |                                                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                        | 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.                                                                                                                                                                                                                  |                 |
| 7   | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.<br><br>1.004859.000.00.00.H08 | - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.<br>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | - Lệ phí: 15.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày | -               |

| STT | Tên TTHC                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                    | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)   | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TTHC liên thông |
|-----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                               |                                                                                                        |                                                   |                                   |                       |                        |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |
|     |                                          | hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. |                                                   |                                   |                       |                        |                           | 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. |                 |
| 8   | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn | 02 ngày làm việc; trường                                                                               | Bộ phận Một cửa                                   | x                                 | Toàn trình            | - Lệ phí: 15.000 đồng. | - Bổ sung cách thức       | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | -               |

| STT | Tên TTHC                            | Thời hạn giải quyết                                          | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                               | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                          |                                                              |                                                   |                                   |                       |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|     | nhân.<br><br>1.004873.000.00.00.H08 | hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày. | cấp xã                                            |                                   |                       | - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; |                 |

| STT | Tên TTHC                                                 | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)                             | Nội dung sửa đổi, bổ sung            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông        |
|-----|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|     | Mã số TTHC                                               |                                                  |                                                   |                                   |                       |                                                  |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                        |
|     |                                                          |                                                  |                                                   |                                   |                       |                                                  |                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                        |
| 9   | Thủ tục đăng ký lại khai sinh.<br>1.004884.000.00.00.H08 | 04 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ   | - Lệ phí: 8.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI; | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ủy ban nhân dân cấp xã |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                      | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                    | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TTHC liên thông                                                                                                                         |
|-----|------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                 |                                                   |                                   |                                                            |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                         |
|     |            | minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. |                                                   |                                   | trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul> | phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; | nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh đã đăng ký khai sinh trước đây trong trường hợp thực hiện đăng ký lại khai sinh tại Ủy ban nhân |



| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông                                           |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                           |
|     |            |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>- Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> | dân cấp xã nơi thường trú; Cơ quan công an có thẩm quyền. |

| STT | Tên TTHC                                                                                        | Thời hạn giải quyết                                                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                        | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông                                                                                             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                      |                                                                                                  |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                             |
| 10  | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.<br><br>1.004772.000.00.00.H08 | 04 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | x                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Lệ phí: 8.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | - Bổ sung cách thức thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; | Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký khai sinh cư trú trước đây; Cơ quan công an có thẩm quyền. |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TTHC liên thông |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |
|     |            |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |

| STT | Tên TTHC                                                   | Thời hạn giải quyết                                                                   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                   | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TTHC liên thông                                                                                               |
|-----|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                 |                                                                                       |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                               |
|     |                                                            |                                                                                       |                                                   |                                   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                | - Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                               |
| 11  | Thủ tục đăng ký lại kết hôn.<br><br>1.004746.000.00.00.H08 | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Bộ phận Một cửa cấp xã                            | -                                 | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Lệ phí: 30.000 đồng.<br>- Miễn lệ phí cho người gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | - Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày | Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn trước đây trong trường hợp đăng ký lại kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã |

| STT | Tên TTHC                                       | Thời hạn giải quyết      | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có)  | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TTHC liên thông               |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                     |                          |                                                   |                                   |                       |                       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                               |
|     |                                                |                          |                                                   |                                   |                       |                       |                           | 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. | nơi người yêu cầu thường trú. |
| 12  | Đăng ký lại khai tử.<br>1.005461.000.00.00.H08 | 03 ngày làm việc; trường | Bộ phận Một cửa                                   | x                                 | Một phần              | - Lệ phí: 5.000 đồng. | - Bổ sung cách thức       | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | -                             |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến                                                 | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                         | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TTHC liên thông |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                      |                                                   |                                   |                                                                       |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
|     |            | hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. | cấp xã                                            |                                   | (Nộp hồ sơ trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | - Miễn lệ phí cho người gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.<br>(Lệ phí được thu tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tại thời điểm nhận kết quả) | thực hiện: BCCI;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;<br>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Căn cứ pháp lý. | 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày |                 |

| STT                       | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TTHC liên thông |
|---------------------------|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                           | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |
|                           |            |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                           | 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;<br>- Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |                 |
| <b>Tổng cộng: 12 TTHC</b> |            |                     |                                                   |                                   |                       |                      |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |